

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh, ông Tống Văn Chiên .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị P U M, sinh năm: ... Vắng mặt

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh T L S, sinh năm: 19... Có mặt.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị P U M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/5/2020, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh S thường xuyên đánh đập chị, ghen tuông vô cớ, thường xuyên bạo lực bản thân chị, anh S còn thường xuyên rượu chè, không chung thủy với chị M. Anh chị không sống cùng nhau khoảng 01 tháng nay, anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải 03 lần tuy nhiên anh S không thay đổi. Chị M không còn tình cảm với chồng là anh S nữa nên chị quyết định ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, tên là T M T, sinh ngày ../2018 và T M H, sinh ngày ../2020. Sau khi ly hôn chị M sẽ nuôi cháu H còn anh S sẽ nuôi cháu

T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa bị đơn là anh T L S trình bày:* Việc anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị M. Sau khi chung sống với nhau anh chị chung sống bình thường, tuy nhiên anh S cũng có đánh chị M, hai vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau, thỉnh thoảng anh S cũng có uống rượu. Nếu chị M muốn ly hôn thì anh S nhất trí, anh yêu cầu chị M trả lại cho anh số bạc cưới theo phong tục tập quán (cụ thể là 36 đồng bạc, quy ra tiền mặt là 43.200.000 đồng) thì anh mới nhất trí ly hôn, anh S không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh ngoài lời khai của anh về số tiền sinh lễ anh yêu cầu chị M phải trả. Về con chung, anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung anh S khai có lấy vật liệu nợ ở một số quán. Anh khai không cụ thể, chung chung, ngoài lời khai của anh thì anh không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Tại phiên tòa anh S khẳng định vợ chồng anh chị không có nợ chung. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh S không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cho anh chị, tuy nhiên chị M vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh S không nhất trí, anh chị cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy chị M có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 chấp nhận đơn khởi kiện của chị P U M, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị P U M được ly hôn với anh T L S. Về con chung: Giao cháu T M T cho anh T L S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu T M H cho chị P U M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng,

tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Đối với yêu cầu của anh S về việc chị M phải trả 36 đồng bạc làm sinh lễ, đề nghị không giải quyết ở vụ án này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị P U M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh T L S. Chị M và anh S đều đăng ký hộ khẩu tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh S có hành vi bạo lực, hành hạ chị M. Hiện tại anh chị đang sống ly thân và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, giải quyết cho chị P U M được ly hôn với anh T L S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị M và anh S có 02 con chung, tên là T M T, sinh ngày ../2018 và T M H, sinh ngày ../2020. Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy, xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh S không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu của anh S: Yêu cầu chị M trả lại 36 đồng bạc, quy ra tiền mặt là 43.200.000 đồng là tiền sinh lễ cho anh là không phù hợp với phong tục tập quán. Yêu cầu đòi sinh lễ của anh S là phong tục lạc hậu về hôn nhân, gia đình cần vận động xóa bỏ theo quy định của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ. Do đó yêu cầu của anh không được chấp nhận.

Về phần nợ chung theo lời khai của anh S: Anh S có lấy vật liệu nợ ở một số quán. Anh khai không cụ thể, chung chung, ngoài lời khai của anh thì anh không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình, anh không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa anh khẳng định vợ chồng anh chị không có nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị P U M được ly hôn với anh T L S.

Về con chung: Giao cháu T M T, sinh ngày ../2018 cho anh T L S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu T M H, sinh ngày ../2020 cho chị P U M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị M và anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P U M và anh T L S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị P U M và anh T L S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dành quyền khởi kiện cho đương sự ở một vụ án khác khi có đủ căn cứ cho yêu cầu về tài sản.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị P U M được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá